

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HC-ST

Ngày: 14 - 7 - 2020

*“V/v yêu cầu hủy văn bản trả lời
đơn khiếu nại”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Chinh

Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông Lê Văn Lâm

2- Ông Phạm Kiên Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 07/2019/TLST-HC ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Yêu cầu hủy văn bản trả lời khiếu nại”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HC, ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

I. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1945 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

II. Người bị kiện: 1. UBND thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

2. Chủ tịch thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Song H - Chủ tịch UBND thành phố Bắc Ninh. (Có đơn xin vắng mặt)

III. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị V, sinh năm 1948 (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Hồng N, sinh năm 1970 (Có văn bản xin vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 (Có văn bản xin vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1983 (Có văn bản xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tham gia tố tụng phía người khởi kiện ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Quá trình thu hồi đất nông nghiệp từ năm 1997 - 2004 gia đình ông bị thu hồi 1515m² đất nông nghiệp, số tiền bồi thường là 82.602.360 đồng nhưng gia đình ông lại không được hưởng các quyền lợi về suất giãn dân tương ứng với diện tích thu hồi theo tinh thần của Công văn số 470/CV-UB ngày 19/9/2002 của UBND thị xã B. Do đó, ông chưa nhận tiền bồi thường của dự án này. Tại buổi làm việc ngày 08/7/2005 với UBND phường N, đại diện chủ đầu tư bồi thường giải phóng mặt bằng đã xác nhận: “UBND phường N cấp cho gia đình ông L, bà V một lô đất theo tiêu chuẩn giãn dân (hay còn gọi là tiêu chuẩn sổ đỏ hệ nông nghiệp như các hộ nông nghiệp trong địa phương”. UBND phường N cũng đã hứa cấp cho gia đình ông lô đất tại mặt đường N nhưng đến nay chưa thực hiện. Do đó ông yêu cầu UBND thành phố B phải trả cho ông xuất đất giãn dân theo tiêu chuẩn của gia đình ông.

Năm 2009, thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở số 14, UBND TP B tiếp tục thu hồi của gia đình ông 260,2m² đất nông nghiệp cùng tài sản trên đất gồm 7 bàn bi-a bằng đá (trị giá khoảng 200 triệu đồng) và lán lợp proximang. Tuy nhiên do chưa thực hiện giao đất giãn dân theo tiêu chuẩn từ các lần thu hồi đất trước nên gia đình ông chưa nhận tiền bồi thường tại dự án xây dựng khu nhà ở số 14 này. Sau đó gia đình ông bị cưỡng chế thu hồi đất nhưng khi cưỡng chế thì thu toàn bộ 7 bàn bi-a này mà không được trả lại. Đến nay gia đình ông vẫn chưa nhận được tiền bồi thường hỗ trợ đối với 260,2m² đất và tài sản trên đất này.

Năm 2011 gia đình ông được UBND thành phố B bán cho 1 lô đất tại đường N nhưng với giá cao khoảng 500 triệu đồng; không đảm bảo quyền lợi như khi giao đất năm 2004. Đến nay ông vẫn chưa được giao đất giãn dân theo tiêu chuẩn của địa phương.

Ngày 09/5/2018, ông có đơn khiếu nại về việc UBND thành phố B thu hồi đất trái pháp luật thì Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 1369/CV-UBND ngày 08/6/2018 của về việc trả lời đơn của công dân.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án :

1. Hủy Công văn số 1369/CV-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc trả lời đơn của công dân.

2. Hủy một phần Kết luận số 40/KL-UBND ngày 15/01/2010 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại, kiến nghị của ông Nguyễn Văn L và bà Đỗ Thị S (đối với nội dung của ông Nguyễn Văn L).

3. Hủy Công văn trả lời đơn công dân số 197/CV-UBND ngày 03/3/2010 của Chủ tịch UBND thành phố B.

4. Hủy Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân.

5. Hủy Công văn trả lời đơn số 989/CV-UBND ngày 08/9/2010 của Chủ tịch UBND thành phố B.

6. Yêu cầu UBND thành phố B bồi thường cho gia đình ông 01 suất đất theo tiêu chuẩn của địa phương khi thu hồi đất của gia đình tôi từ năm 1997-2004 và bồi thường khi thu hồi đất cho gia đình ông đối với diện tích 260,2m² đất cùng tài sản trên đất của gia đình tôi khi thực hiện dự án xây dựng nhà ở số 14 năm 2009.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại văn bản ý kiến trình bày:*

Tháng 5/2018, UBND thành phố nhận được 02 đơn khiếu nại đề ngày 09/5/2018 của ông Nguyễn Văn L với nội dung cho rằng việc thu hồi đất tại dự án xây dựng hạ tầng khu kỹ thuật nhà ở số 14 phường N không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông. UBND thành phố không ra quyết định cưỡng chế mà vẫn tiến hành thu hồi đất để giao đất thực hiện dự án trái quy định; đề nghị được giao 01 suất đất theo tiêu chuẩn hộ nông nghiệp thôn Đ bị thu hồi đất nông nghiệp.

Xét thấy, các nội dung ông L nêu trên là những nội dung đã được UBND thành phố xem xét, giải quyết và trả lời nhiều lần nên Chủ tịch UBND thành phố ban hành Công văn số 1369/CV-UBND ngày 08/6/2018 yêu cầu ông L chấm dứt khiếu kiện.

Quá trình giải quyết vụ việc của ông L như sau:

- Về nội dung ông L cho rằng việc thu hồi đất tại dự án xây dựng hạ tầng khu kỹ thuật nhà ở số 14 phường N không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông và UBND thành phố không ra quyết định cưỡng chế mà vẫn tiến hành thu hồi đất để giao đất thực hiện dự án trái quy định:

UBND thành phố đã lập Đoàn xác minh, căn cứ Báo cáo kết quả kiểm tra xác minh thì ngày 15/01/2010 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Kết luận số 40/KL-UBND khẳng định: Việc bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở số 14 đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo chế độ, chính sách của Nhà nước, của UBND tỉnh tại thời điểm thu hồi đất; hộ ông L có tình không chấp hành quyết định thu hồi đất, không nhận tiền bồi thường hỗ trợ và ban giao mặt bằng để thực hiện dự án nên UBND thành phố phải tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định của UBND tỉnh là đúng quy định pháp luật.

Ngay sau đó, ông L không đồng ý với Kết luận số 40 thì ngày 03/3/2010 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Công văn số 197/CV-UBND với nội dung giữ nguyên kết quả giải quyết tại Kết luận số 40.

- Về nội dung ông Lãm đề nghị được giao 01 xuất đất theo tiêu chuẩn hộ nông nghiệp thôn Đ bị thu hồi đất nông nghiệp:

Năm 2004 UBND phường N đã giao đất ở theo Quyết định số: 1580/QĐ-CT ngày 22/12/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh B để giải quyết nhu cầu về đất ở, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi ngành nghề cho hầu hết các hộ dân khu Đ, phường N có ruộng giao lâu dài đã được cấp GCNQSDĐ năm 1993. Riêng hộ ông L thực hiện các quy định thống nhất tại hội nghị ngày 01/6/2004 về việc nhận tiền bồi thường hỗ trợ và giao đất ở cho gia đình ông L theo tiêu chuẩn hộ nông nghiệp Đ tại dự án Khu nhà ở số 14. Do hộ ông L không nhận tiền bồi thường hỗ trợ để thực hiện dự án nên chưa được giao đất. Tuy nhiên, UBND thành phố tổ chức cưỡng chế GPMB đối với hộ ông L để thực hiện dự án khu nhà ở số 14; mặt khác từ trước đến nay hộ ông L chưa được giao đất lần nào nên UBND thành phố sẽ xem xét đề nghị của ông L về việc cấp 01 lô đất như các hộ nông nghiệp Đ.

Sau khi tổ chức cưỡng chế GPMB để thực hiện dự án khu nhà ở số 14, UBND thành phố đã có Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 về việc giao đất ở cho các hộ gia đình cá nhân trong đó có hộ ông L tại dự án Khu nhà ở số 14. Hộ ông L đã nhận đất ngoài thực địa tại mặt đường N và được cấp GCQSĐĐ theo quy định.

Ông L tiếp tục khiếu nại việc UBND thành phố không cấp 01 lô đất dân cư theo tiêu chuẩn hộ xã viên Đ bị thu hồi đất nông nghiệp. Ngày 07/6/2010 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L với nội dung: Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L.

Không đồng ý với Quyết định số 919, ông L tiếp tục có đơn nên ngày 08/9/2010 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Công văn trả lời đơn số 989/CV-UBND với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 919.

Ngày 19/6/2013, ông L tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh khiếu nại Quyết định số 919 nhưng Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số 1980/UBND-NC về việc trả lời đơn của ông L với nội dung: Không thụ lý khiếu nại ngày 19/6/2013 của ông L do khiếu nại đã quá thời hiệu khởi kiện theo quy định.

Nay mọi quyền lợi của ông L đều được đảm bảo. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông L.

*** *Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Ông Nguyễn Văn L giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bà không có ý kiến gì. Gia đình ông hiện vẫn chưa được giao đất theo tiêu chuẩn; lô đất giao cho gia đình tôi năm 2011 là gia đình ông phải mua với giá cao chứ không phải là giao đất. Việc bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông tại dự án khu nhà ở số 14 chưa đảm bảo quyền lợi; tài sản trên đất của gia đình ông bị thu hồi chưa được xem xét bồi thường.

- Tại phiên tòa ông L không yêu cầu Luật sư Trần Xuân T và Luật sư Đoàn Trung H - Luật sư Văn phòng luật sư Đ - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, ông từ chối hai luật sư trên.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Tòa án đã tiến hành cho các bên đương sự đối thoại nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Song H và các thành viên gia đình ông L vắng mặt. HĐXX xét thấy: Những người vắng mặt đều đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, đã có ý kiến trình bày đầy đủ trong hồ sơ vụ án và đều có đơn có đơn xin xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 08/6/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Văn bản số 1369/CV-UBND về việc trả lời đơn của công dân. Ngày 24/7/2018, ông L có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1369.

Sau khi nhận đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh có Thông báo trả lại đơn khởi kiện đối với đơn khởi kiện của ông L với lý do Văn bản số 1369 không phải là quyết định hành chính. Căn cứ Quyết định giải quyết khiếu nại số: 113/2018/QĐ-HC ngày 25/9/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của ông L về việc khởi Văn bản số: 1369/CV-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND

thành phố B “Về việc trả lời đơn của công dân” theo quy định. Đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính “Yêu cầu hủy văn bản trả lời khiếu nại”. Việc ông L nộp đơn khởi kiện trong thời hiệu luật định.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Đơn khởi kiện bổ sung của ông L, Tòa án sẽ xem xét các quyết định hành chính có liên quan gồm: Kết luận số 40/KL-UBND ngày 15/01/2010; Công văn trả lời đơn công dân số 197/CV-UBND ngày 03/3/2010; Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân; Công văn trả lời đơn công dân số 989/CV-UBND ngày 08/9/2010.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L thì thấy:

Nội dung vụ việc liên quan đến việc UBND thành phố B thu hồi đất nông nghiệp và giao đất giãn dân cho gia đình ông Nguyễn Văn L.

Ông L cho rằng khi UBND thành phố B thu hồi đất nông nghiệp của gia đình ông đã không giao cho gia đình ông lô đất giãn dân theo tiêu chuẩn quy định tại Công văn số 470/CV-UB ngày 19/9/2002 của UBND thị xã B nên gia đình ông không nhận tiền bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất. Năm 2009 khi UBND thành phố B thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở số 14, UBND TP B tiếp tục thu hồi của gia đình ông 260,2m² đất nông nghiệp cùng tài sản trên đất gồm 7 bàn bi-a bằng đá (trị giá khoảng 200 triệu đồng) và lán lợp proximang, đến nay gia đình ông vẫn chưa được nhận tiền bồi thường hỗ trợ tại dự án này. Ông L yêu cầu UBND thành phố B phải giao cho gia đình ông 01 lô đất giãn dân theo tiêu chuẩn hộ nông nghiệp Đ.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy: Năm 2003, UBND thành phố B triển khai thực hiện dự án khu nhà ở số 8 và dự án khu nhà ở số 4 và có thu hồi đất nông nghiệp của gia đình ông L. Sau khi có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, chủ đầu tư và UBND phường Ninh Xá đã tiến hành chi trả tiền bồi thường GPMB cho người dân nhưng hộ ông L không nhận tiền vì lý do không đồng ý với giá bồi thường.

Ngày 22/12/2003, UBND tỉnh B ban hành Quyết định 1580/QĐ-CT về việc thu hồi đất, giao đất cho UBND phường N để xây dựng khu nhà ở và giao đất cho cán bộ nhân dân thị xã B. Ngày 01/6/2004, Đảng ủy - HĐND - UBND phường N và toàn thể các hộ nông nghiệp đã đưa ra Nghị quyết xây dựng tiêu chuẩn được giao đất trong đó có nội dung: ...2. *Các hộ không nhận tiền bồi thường thực hiện dự án sẽ không có trong danh sách cấp đất.*

Ngày 08/7/2005, chủ đầu tư phối hợp với UBND phường N tiếp tục giải quyết tồn đọng của dự án khu nhà ở số 8 và thống nhất sẽ giao cho gia đình ông L 01 lô đất theo tiêu chuẩn giãn dân tại vị trí mặt đường N thuộc dự án khu nhà ở số 14, giá theo quyết định của UBND tỉnh. Tuy nhiên, tại thời điểm đó ông L chỉ

nhận tiền bồi thường của dự án khu nhà ở số 8; còn dự án khu nhà ở số 14 thì ông không nhận tiền vì lý do chưa giao đất cho gia đình ông. Dự án khu nhà ở số 14 khi đó đã không tổ chức thực hiện được do khó khăn về công tác GPMB.

Năm 2007, UBND tỉnh Bắc Ninh đã có Quyết định thu hồi đất để UBND thành phố thực hiện dự án dự án khu nhà ở số 14, trong đó gia đình ông L bị thu hồi 260,2m² đất nông nghiệp giao lâu dài. Quá trình thực hiện dự án gia đình ông L nhiều lần ngăn cản không cho tổ công tác thực hiện việc kiểm kê tài sản trên đất và sau đó không nhận tiền bồi thường nên ngày 15/5/2009 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 612 về việc cưỡng chế GPMB đối với dự án khu nhà ở số 14 đối với gia đình ông L là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, gia đình ông L thuộc diện được xét giao đất theo tiêu chuẩn nhưng do gia đình ông L không nhận tiền bồi thường khi thực hiện dự án nên căn cứ Nghị quyết xây dựng tiêu chuẩn giao đất ngày 01/6/2004 UBND phường N chưa giao đất cho gia đình ông L. Ngày 29/12/2009 UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 2200 giao đất ở cho các hộ gia đình, trong đó có gia đình ông L tại dự án khu nhà ở số 14, phường N. Theo đó, ông L đã được giao 01 lô tại vị trí mặt đường N và đã được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định. Gia đình ông L đã được giao đất theo đúng tiêu chuẩn nên việc ông L khởi kiện Yêu cầu UBND thành phố B bồi thường cho gia đình ông 01 suất đất theo tiêu chuẩn của địa phương khi thu hồi đất của gia đình từ năm 1997-2004 là không có căn cứ chấp nhận.

* Đối với việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu nhà ở số 14 năm 2009: Gia đình ông L bị thu hồi 260,2m² đất nông nghiệp giao lâu dài. Quá trình thực hiện dự án gia đình ông L nhiều lần ngăn cản không cho tổ công tác thực hiện việc kiểm kê tài sản trên đất nên tổ công tác đã lập biên bản thống nhất lấy số liệu tài sản trên đất của phương án bồi thường cũ năm 2003 và số liệu đánh giá trực quan của tổ công tác. Cụ thể, gia đình ông L đã được phê duyệt phương án bồi thường tổng số tiền 147.212.568 đồng. Phương án bồi thường đã bao gồm các tài sản trên đất gồm: cây trồng trên đất; các công trình gồm: Nhà cấp 4 lợp proximang, nhà bán hàng mái lợp proximang, khu công trình phụ mái lợp proximang. Như vậy, việc phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất của gia đình ông L đối với 260,2m² đất nông nghiệp và tài sản trên đất đã được UBND thành phố thực hiện đúng quy định pháp luật. Hiện nay, toàn bộ số tiền bồi thường hỗ trợ này được chuyển vào tài khoản tạm giữ tại kho bạc Nhà nước theo Quyết định số 1369/UBND-NC ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh, gia đình ông L có quyền liên hệ với UBND thành phố B để nhận số tiền bồi thường hỗ trợ này theo quy định pháp luật.

Đối với tài sản khác ông L yêu cầu bồi thường là 7 bàn bi-a bằng đá (trị giá khoảng 200 triệu đồng) không nằm trong phương án được phê duyệt bồi thường;

gia đình ông L không phối hợp với tổ công tác trong quá trình kiểm kê tài sản. Hơn nữa đây là các đồ dùng vật dụng gia đình phải tự di rời để trả mặt bằng khi thu hồi đất; các tài sản trên đất khác là nhà lợp proximang đều đã được lập phương án bồi thường theo quy định. Do đó, việc ông L yêu cầu UBND thành phố lập phương án bồi thường đối với 7 bàn bi-a bằng đá là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ việc theo đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành nhiều văn bản trả lời ông L gồm: Kết luận số 40/KL-UBND ngày 15/01/2010 về việc giải quyết đơn khiếu nại, kiến nghị của ông Nguyễn Văn L và bà Đỗ Thị S; Công văn trả lời đơn công dân số 197/CV-UBND ngày 03/3/2010 về việc trả lời đơn của công dân; Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân; Công văn trả lời đơn số 989/CV-UBND ngày 08/9/2010 về việc trả lời đơn của công dân đã được Chủ tịch UBND thành phố B ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Như đã nhận định ở trên, mọi quyền lợi của gia đình ông L khi bị thu hồi đất đều đã được đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; gia đình ông L đã được giao đất theo đúng vị trí tại mặt đường N; đã được phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với 260,2m² đất nông nghiệp và tài sản trên đất theo đúng quy định pháp luật. Do đó, ông L yêu cầu hủy các Kết luận, Công văn trả lời đơn và Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

* Xét tính hợp pháp của Công văn số 1369/CV-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc trả lời đơn của công dân:

Ngày 09/5/2018 ông Nguyễn Văn L tiếp tục có đơn khiếu nại việc thu hồi đất và đề nghị được hưởng đất tái định cư khi bị thu hồi đất. Tuy nhiên, các nội dung khiếu nại này của ông L đều đã được Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết nhiều lần và trả lời đúng quy định của pháp luật tại Kết luận số 40/KL-UBND ngày 15/01/2010 về việc giải quyết đơn khiếu nại, kiến nghị của ông Nguyễn Văn L và bà Đỗ Thị S; Công văn trả lời đơn công dân số 197/CV-UBND ngày 03/3/2010; Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân; Công văn trả lời đơn công dân số 989/CV-UBND ngày 08/9/2010.

Căn cứ Luật tổ tụng hành chính năm 2010 và Nghị quyết số: 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về thi hành Luật tổ tụng hành chính thì ông Lăm có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với các Kết luận, Công văn, Quyết định của UBND thành phố B nêu trên nhưng ông L không thực hiện quyền khởi kiện của mình.

Việc tiếp tục khiếu nại của ông L hoàn toàn không có tình tiết, chứng cứ mới. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 1369/CV-UBND về việc trả lời đơn của công dân để yêu cầu ông L chấm dứt khiếu kiện về

các nội dung trên là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật. Việc ông L khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 1369 là không có căn cứ.

[4] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy Chủ tịch UBND thành phố B đã giải quyết các khiếu nại của ông Nguyễn Văn L liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và cấp đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn L là đúng quy định pháp luật; các quyền lợi của gia đình ông L đã được đảm bảo. Việc ông Nguyễn Văn L khởi kiện là không có căn cứ. Cần bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi nên ông Nguyễn Văn L được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

1- Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L gồm:

- Bác yêu cầu Hủy Công văn số 1369/CV-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc trả lời đơn của công dân.

- Bác yêu cầu Hủy một phần Kết luận số 40/KL-UBND ngày 15/01/2010 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại, kiến nghị của ông Nguyễn Văn L và bà Đỗ Thị S (đối với nội dung của ông Nguyễn Văn L).

- Bác yêu cầu Hủy Công văn trả lời đơn công dân số 197/CV-UBND ngày 03/3/2010 của Chủ tịch UBND thành phố B.

- Bác yêu cầu Hủy Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân.

- Bác yêu cầu Hủy Công văn trả lời đơn số 989/CV-UBND ngày 08/9/2010 của Chủ tịch UBND thành phố B.

- Bác yêu cầu Ủy ban UBND thành phố B bồi thường cho gia đình ông L 01 suất đất theo tiêu chuẩn của địa phương khi thu hồi đất của gia đình từ năm 1997-2004 và bồi thường khi thu hồi đất cho gia đình ông đối với diện tích 260,2m² đất cùng tài sản trên đất của gia đình ông khi thực hiện dự án xây dựng nhà ở số 14 năm 2009.

2. Ông Nguyễn Văn L có quyền liên hệ với UBND thành phố B để làm thủ tục nhận số tiền 147.212.568 đồng là số tiền bồi thường hỗ trợ khi thu hồi 260,2m² đất nông nghiệp giao lâu dài và tài sản trên đất tại dự án khu nhà ở số 14, phường N.

3- Về án phí: Ông Nguyễn Văn L được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 004413 ngày 28/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết được bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP- THC.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Chinh